

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HC-ST

Ngày: 09-5-2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhường

Ông Lê Quang Diệu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An:* Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 28/2021/TLST-HC ngày 01/3/2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HC ngày 05/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HC ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Võ Thanh G, sinh năm 1960. Địa chỉ: E2/22D, khu phố 5, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Võ Thanh G là luật sư Nguyễn Sơn L – Công ty luật hợp danh Nam Trí Việt thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Người bị kiện: Sở T tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, Chức vụ: Phó Giám đốc Sở T tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Anh T, Chức vụ: Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở T tỉnh Long An.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Liêu Văn B, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Trương Văn Đ, Chức vụ: Phó Trưởng phòng T huyện Đ, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp 3B, xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Phạm Ngọc H, Công ty Luật TNHH một thành viên Thành Văn thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: 200/9 Nguyễn Hữu T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Văn X, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Lê Văn X7, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ô 7, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Ông G, ông H, bà T, Luật sư L, Luật sư T có mặt; ông T, ông B, ông Đ, ông X, ông X7 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 của người khởi kiện và lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Hiện nay ông G đang sử dụng một phần đất có diện tích là 1001m² thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 40 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 016630 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 07/6/2013 cho Ông Võ Thanh G, đất tọa lạc tại ấp Bùng Bình, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nguồn gốc thửa đất này là của mẹ ông G được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998 và gia đình ông G đã làm thủ tục khai nhận thừa kế cho lại ông G thửa đất 273 từ năm 2013 và ông G trực tiếp sử dụng thửa đất 273 từ đó đến nay.

Vào tháng 02/2020 ông G đang sử dụng thửa đất 273 thì tự nhiên ông Phạm Ngọc H đo đạc thửa đất 273 của ông G. Ông G mới gặp ông H hỏi đất này của ông G đang sử dụng sao ông H lại đo đạc. Thì lúc này ông G mới phát hiện ra thửa đất 273 của ông G đã được Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H.

Nhận thấy cùng 01 thửa đất 273 ông G đã được cấp giấy chứng nhận và đang trực tiếp sử dụng nhưng Sở T tỉnh Long An lại cấp giấy cho ông H là cấp sai đối tượng, cấp không đúng qui định của pháp luật, lấy thửa đất ông G đang sử dụng và được cấp giấy, cấp cho ông H làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông G.

Nay ông G khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất có diện tích 1001m², thửa số 273, tờ bản đồ số 40 do Sở T tỉnh Long An cấp số CP 877994 ngày 07/12/2018 cho ông Phạm Ngọc H.

Tại Văn bản số 3331/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 của

người bị kiện Sở T tỉnh Long An có nội dung như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 273 trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn X, sinh năm 1956, thường trú tại khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông X được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 767951, số vào sổ H 01217 ngày 11/7/2005.

Ngày 07/8/2018 ông X thông qua người đại diện là ông Lê Văn X7 lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phạm Ngọc H được Văn phòng công chứng Lê Ngọc Minh công chứng số 16765, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD. Hồ sơ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ thụ lý giải quyết. Xét thấy hồ sơ đầy đủ theo qui định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ chuyển hồ sơ lên Văn phòng đăng ký đất đai trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc H là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo qui định.

Tại Văn bản số 6560/UBND-NC ngày 17 tháng 6 năm 2021 của người bị kiện Ủy ban nhân huyện Đ, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Sau khi xem xét nội dung thông báo số 25/2021/TB-TA ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và trên cơ sở báo cáo số 2267/BC-PTNMT ngày 15/6/2021 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện, Ủy ban nhân dân huyện Đ phúc đáp Tòa án nội dung như sau:

Cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Võ Thanh G ngày 07/6/2013 tổng diện tích 4.971m² gồm 03 thửa đất trong đó có thửa số 273, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.002m², đất tại xã HKT (nhận thừa kế từ bà Võ Thị Tr).

Cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn X ngày 11/7/2005 tổng diện tích 5.199m² gồm 02 thửa đất trong đó có thửa số 273, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.002m², đất tại xã HKT (nhận thừa kế từ ông Lê Văn Th).

Cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Ngọc H ngày 07/12/2018 tại thửa số 273, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.002m², đất tại xã HKT (nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn X).

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị Tr ngày 20/12/1999 và ông Lê Văn Th ngày 11/6/1996 không tìm thấy trong hồ sơ lưu trữ. Do đó Ủy ban nhân dân huyện Đ không có cơ sở để cung cấp thông tin cho Tòa án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H có lời trình bày có nội dung như sau:

Vào ngày 07/11/2018 ông Phạm Ngọc H có nhận chuyển nhượng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40, diện tích là 1001 m² tọa lạc tại ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An từ ông Lê Văn X do ông Lê Văn X7 đại diện ký kết hợp đồng chuyển nhượng theo hợp đồng số 16765, quyển số 11/2018 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Lê Ngọc M.

Sau khi nhận chuyển nhượng xong, ngày 07/12/2018 ông H đã được Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận số CP 877994 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 02859 theo đúng qui định của pháp luật.

Từ lúc nhận chuyển nhượng ông H là người trực tiếp quản lý sử dụng cho đến nay. Thời gian sau ông H có bơm cát để nâng nền cho cao, ông H chỉ bơm được 02 thửa đất đã mua của ông X, riêng thửa 273 ông D là anh em với ông X và ông G còn đang làm lúa nên ông H chưa kịp bơm cát lên.

Sau đó ông H phát hiện thửa đất 273 đã cấp cho ông H trùng với thửa đất 273 đã cấp cho Ông Võ Thanh G.

Ông H là người mua thửa đất 273 đúng qui định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận theo đúng trình tự pháp luật. Vì vậy, ông H đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông G đối với thửa đất 273.

Ông Lê Văn X và ông Lê Văn X7 không có lời trình bày do không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu quan điểm: Nguồn gốc đất của cha mẹ ông G là ông Hiếu, bà Tr khai hoang, bà Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999, đến năm 2013 ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua thủ tục thừa kế, ông G là người trực tiếp sử dụng đất, có xác nhận của địa phương và người làm chứng.

Việc cấp giấy thửa 273 cho ông X là sai nên dẫn đến việc cấp giấy cho ông H sai, khi cấp giấy cho ông X không đo đạc, ông H không trực tiếp sử dụng đất, ông G trực tiếp sử dụng đất nên việc cấp giấy cho ông G là đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan phát biểu quan điểm: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H với lý do như sau:

Ông H mua thửa đất 273 từ ông X thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp lệ và được Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc thửa đất phía người khởi kiện cho rằng thửa đất 273 có nguồn gốc do cha mẹ ông G khai hoang và sử dụng từ năm 1985 đến nay là không có căn cứ bởi vì các tài liệu và chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện những chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày nêu trên là đúng sự thật.

Lời khai của người làm chứng ông Lê Hùng D là không khách quan bởi vì tại phiên Tòa ông D khai ông D không nhớ thửa đất của ông D là thửa số mấy nằm giáp vị trí nào của thửa đất số 273, hơn nữa ông D là cậu ruột của ông G và ông D cũng thừa nhận là người môi giới cho ông H mua thửa đất 273.

Đối với đơn xin xác nhận ngày 26/02/2021 đây là tài liệu hợp thức hóa lời khai của ông G là không đúng sự thật. Bởi vì ông G khai không có ở địa phương, ông D khai ông G không trực tiếp sử dụng đất, ông H khai không hề

thấy ông G làm ruộng.

Đối với việc tặng cho quyền sử dụng thửa đất 273 giữa bà Lê Thị Tr và Ông Võ Thanh G là không đúng qui định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi ông G khởi kiện và ông H yêu cầu độc lập là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Thanh G. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 877994 do Sở T tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Ngọc H vào ngày 07/12/2018 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ 40, diện tích 1001 m², tọa lạc ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Ngọc H về việc yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 016630 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho Ông Võ Thanh G vào ngày 07/06/2013 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ 40, diện tích 1001 m², tọa lạc ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Thanh G yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 877994 do Sở T tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Ngọc H vào ngày 07/12/2018 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40, diện tích 1001 m², tọa lạc tại ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông Phạm Ngọc H yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 016630 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho Ông Võ Thanh G vào ngày 07/6/2013 đối với thửa 273, tờ bản đồ số 40, diện tích 1001 m², tọa lạc tại ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An. Đây là các khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Võ Thanh G phát hiện việc Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H vào đầu năm 2020, đến ngày 25/12/2020 ông G làm đơn khởi kiện và ông Phạm Ngọc H phát hiện

ra việc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G thông qua việc ông G khởi kiện, đến ngày 22/12/2021 ông H có đơn yêu cầu độc lập là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện là Sở T tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Riêng đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Lê Văn X và Lê Văn X7 không đến Tòa án để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các ông X và ông X7 đúng theo qui định pháp luật. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại nhưng người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tố tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho: Ông Võ Thanh G vào ngày 07/6/2013 đối với thửa 273, tờ bản đồ số 40, đất tọa lạc tại ấp Bùng Bình, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An là căn cứ vào Hợp đồng tặng cho lập vào ngày 30/3/2013. Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc H vào ngày 07/12/2018 đối với thửa 273, tờ bản đồ số 40, đất tọa lạc tại ấp Bùng Bình, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An là căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 07/11/2018. Vì thế, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An và Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Võ Thanh G và ông Phạm Ngọc H là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa sơ thẩm Ông Võ Thanh G cho rằng thửa đất 273, tờ bản đồ số 40 có nguồn gốc là của ông bà ông G khai hoang, sau đó ông bà ông G cho cha mẹ ông G sử dụng. Đến năm 2013 gia đình ông G làm văn bản phân chia tài sản và cùng năm 2013 thì mẹ ông G là bà Lê Thị Tr làm Hợp đồng tặng cho ông G thửa đất 273 và cùng năm 2013 ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 273. Ông G xác định thửa đất 273 có ranh giới rõ ràng, bao bọc thửa đất 273 có bờ ranh. Về quá trình quản lý, sử dụng đất thì ông G đã quản lý sử dụng thửa đất 273 từ trước khi

mẹ ông G cho ông G đến nay. Từ trước đến nay đối với thửa đất 273 không phát sinh tranh chấp, ông G đã sử dụng ổn định.

Ông Phạm Ngọc H cho rằng nguồn gốc thửa đất 273, tờ bản đồ số 40 ông H mua của ông X vào năm 2018 thông qua Hợp đồng mua bán được lập vào ngày 07/11/2018. Khi mua đất do chuyển nhượng nguyên thừa nên không đo đạc. Trước khi mua đất của ông X thì ông H có đi xem đất nhưng lúc đó nước ngập nên không biết vị trí cụ thể của các thửa đất.

Qua xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Tr và ông Thừa thấy rằng: Vào năm 1996 ông Thừa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40. Năm 1999 bà Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40. Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thừa và bà Tr cùng 01 thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40. Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất 273 thì qua quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa sơ thẩm thể hiện gia đình của ông G và sau này là ông G đã sử dụng thửa đất 273 xuyên suốt ổn định từ trước năm 2013 đến nay. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X là không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Nhận định trên phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H là từ khi chuyển nhượng thửa đất 273 của ông X đến nay ông H chưa sử dụng thửa đất 273 vì khi đo đạc thực tế thì ông H phát hiện thửa đất 273 ông G đang sử dụng từ đó phát sinh tranh chấp nên ông H chưa sử dụng thửa đất 273. Phù hợp với lời trình bày của người làm chứng Lê Hùng D là ông D là người canh tác các thửa đất gần thửa đất 273 của ông G nên ông D biết rõ nguồn gốc thửa đất số 273 là của ông ngoại ông G tên là Lê Văn S cho mẹ ông G tên Lê Thị Tr. Sau đó, mẹ ông G cho ông G. Về quá trình sử dụng thì do ông D canh tác các thửa đất sát thửa đất 273 của ông G nên ông G có nhờ ông D trông nom thửa đất 273 những khi ông G không có ở nhà. Phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 12/5/2021 xác định thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40 đang trồng lúa, ông G là người đang quản lý sử dụng, ranh giới thửa đất số 273 với các thửa đất khác là bờ đất rộng khoảng 0,5 m. Phù hợp với đơn xin xác nhận của Ông Võ Thanh G được Ủy ban nhân dân xã HKT xác nhận ngày 01/3/2021 thể hiện thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40 ông G là người trực tiếp sản xuất từ năm 1978 đến nay.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 40 cho ông Lê Văn Th là không đúng với qui định của pháp luật là trái với quy định của Luật Đất đai năm 1993. Sau khi được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2005 ông Thừa làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 273 cho ông Lê Văn X và ông X tiếp tục chuyển nhượng thửa đất 273 cho ông Phạm Ngọc H. Ông Phạm Ngọc H được Sở T tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2018. Do có cơ sở xác định các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Thừa và ông X đối với thửa đất số 273 không đúng với qui

định của pháp luật nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H đối với thửa đất số 273 không có giá trị. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Thanh G là có căn cứ nên được chấp nhận, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H như lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu độc lập của ông H về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ông Võ Thanh G thấy rằng như đã phân tích ở trên thì gia đình của ông G và ông G đã quản lý sử dụng thửa đất 273 ổn định xuyên suốt đến nay không phát sinh tranh chấp. Vì thế, Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 273 cho bà Tr, sau đó bà Tr tặng thửa đất 273 cho ông G là đúng đối tượng sử dụng đất. Vì thế yêu cầu độc lập của ông H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông G đối với thửa đất 273 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện Ông Võ Thanh G là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét quan điểm bào chữa của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[2.3] Về việc đo đạc thửa đất 273, tờ bản đồ số 40: Trong quá trình thu thập chứng cứ giữa người khởi kiện Ông Võ Thanh G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc H đã xác định và thống nhất với nhau vị trí và diện tích thửa đất 273. Do các đương sự đã thống nhất với nhau vị trí và diện tích thửa đất 273, tờ bản đồ số 40 nên không cần thiết tiến hành đo đạc lại thửa đất 273, tờ bản đồ số 40.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.100.000 đồng. Ông G đã nộp tạm ứng. Ông G tự nguyện chịu. Ông G đã nộp xong.

Về án phí: Ông G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, do ông G là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông G.

Ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện độc lập không được chấp nhận, nhưng do ông H là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên ông H không phải nộp tiền án phí.

Sở T tỉnh Long An phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 12, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Võ Thanh G.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 877994 do Sở T tỉnh Long An cấp cho ông Phạm Ngọc H vào ngày 07/12/2018 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ 40, diện tích 1001 m², tọa lạc ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Ngọc H về việc yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 016630 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An cấp cho Ông Võ Thanh G vào ngày 07/06/2013 đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ 40, diện tích 1001 m², tọa lạc ấp Bùng Binh, xã HKT, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Võ Thanh G chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.100.000 đồng. Chi phí này Ông Võ Thanh G đã nộp xong.

Về án phí:

Ông G không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, do ông G là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông G.

Ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện độc lập không được chấp nhận, nhưng do ông H là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên ông H không phải nộp tiền án phí.

Sở T tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh